TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/*HNGĐ -ST*
Ngày: 29 - 11 - 2018
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu Ba**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Phạm Xoa**
2. Ông **Ngô Bá Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Ngọc Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng – Số 24 đường Hoàng Văn Thụ, phường Phước Ninh quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 184/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 08 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Phan Phú C** – Sinh năm: 1984 – Nơi ĐKHKTT: Số 74, đường P, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Ngọc Thanh T –** Sinh năm: 1989 – Nơi ĐKHKTT: Số 74 đường P, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng – Chỗ ở hiện nay: A99 đường N, phường 18, quận 4 thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2018, bản khai và trong quá trình hòa giải và tại phiên toà, nguyên đơn ông Phan Phú C trình bày:

** Về quan hệ hôn nhân:* Ông Phan Phú C và bà Nguyễn Ngọc Thanh T có đăng ký kết hôn vào ngày 12/4/2014 tại Ủy ban Nhân dân phường Đ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông C và bà T không chung sống cùng nhau, ông C sống tại thành phố Đà Nẵng, bà T sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Sau nhiều lần thuyết phục bà T về chung sống cùng ông C tại Đà Nẵng gần được 4 tháng, sau đó chuyển về sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Ông C cho rằng bà T không hợp sống nếp

sống ở Đà Nẵng, vào thành phố bà T phụ giúp với gia đình có thu nhập tốt hơn, trong dịp lễ tết bà T mới ra Đà Nẵng sống cùng với ông.

Sau khi kết hôn ông C và bà T không cùng nhau xây dựng được gì chung kể cả tình cảm và kinh tế gia đình, đồng thời còn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thực tế ông C và bà T đã sống ly thân. Nay ông C thấy tình cảm vợ chồng không có mục đích, hôn nhân không đạt được, ông C và bà T không có sự yêu thương chăm sóc và quan tâm gì nhau, vì vậy ông C mong Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà T.

***** *Về con chung:* Ông Phan Phú C và bà Nguyễn Ngọc Thanh T có một con chung tên là Phan Ngọc Khánh N – Sinh ngày: 12/03/2014.

Ly hôn ông C giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông sẽ cấp dưỡng nuôi con tùy vào tình hình thu nhập thực tế hàng tháng của ông.

***** *Về tài sản chung:* Ông Phan Phú C và bà Nguyễn Ngọc Thanh T không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

***** *Về nợ chung:* Ông Phan Phú C và bà Nguyễn Ngọc Thanh T không nợ ai và không ai nợ ông bà nên không đề cập giải quyết.

Trong bản khai ngày 01/11/2018 bị đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh T trình bày:

***** *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Ngọc Thanh T thống nhất với lời trình bày của ông C về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn.

Nay ông Phan Phú C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Thanh T thì Tòa án căn cứ vào pháp luật mà giải quyết.

***** *Về quan hệ con chung:* Bà và ông Phan Phú C có một con chung tên là Phan Ngọc Khánh N – Sinh ngày: 12/03/2014.

Nếu Tòa án giải quyết cho ông C ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Thanh T thì bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con Tòa án căn cứ vào pháp luật mà giải quyết.

***** *Về tài sản chung:* Bà Nguyễn Ngọc Thanh T và ông Phan Phú C không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

***** *Về nợ chung:* Bà Nguyễn Ngọc Thanh T và ông Phan Phú C không nợ ai và không ai nợ ông bà nên không đề cập giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về phiên họp giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Nguyễn Ngọc Thanh T, nhưng bà T có đơn xin vắng mặt tại các buổi công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được cho các bên đương sư.

Ông Phan Phú C và bà Nguyễn Ngọc Thanh T đều có đơn đề nghị chọn Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Phan Phú C về việc ly hôn đối với bà Nguyễn Ngọc Thanh T. Đồng thời bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà T.

Đơn của bà T về việc chọn Tòa án giải quyết và xin xét xử vắng mặt có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường Đ, quận 1 thành phố Hồ Chí Minh ngày 01 tháng 11 năm 2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 74 đường P, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng theo sổ hộ khẩu số 150170815 chủ hộ là bà Nguyễn Thị H, chỗ ở hiện tại A99 đường Ng, phường 18, quận 4 thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Ngọc Thanh T có đơn chọn Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Phan Phú C về việc ly hôn đối với bà.

Bà Nguyễn Ngọc Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà T.

Đơn của bà T về việc chọn Tòa án giải quyết và xin xét xử vắng mặt có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường Đ, quận 1 thành phố Hồ Chí Minh ngày 01 tháng 11 năm 2018.

Mặt khác ông Phan Phú C cũng có đơn chọn Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông C về việc ly hôn đối với bà Nguyễn Ngọc Thanh T.

Do vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Ngọc Thanh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] *Về nội dung*

Tại phiên tòa, ông Phan Phú C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện vÒ viÖc ly h«n ®èi vÍi bà Nguyễn Ngọc Thanh T HĐXX thấy:

[1] Về Quan hệ hôn nhân: Ông Phan Phú C và bà Nguyễn Ngọc Thanh T có đăng ký kết hôn vào ngày 12/4/2014 tại Ủy ban Nhân dân phường Đ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định tại điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình do vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn ông bà không chung sống cùng nhau một thời gian dài, đến khoảng tháng 6/2016 thì bà T về Đà Nẵng chung sống cùng ông C tầm được 4 tháng thì bà T chuyển về lại thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống cùng cha mẹ bà T. Ông C và bà T tuy là vợ chồng nhưng không sống chung, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, phần ai người đó sống, việc ai người đó làm, tình cảm vợ chồng không có.

Cả ông C và bà T đều không muốn níu kéo hạnh phúc, không muốn khắc phục những trở ngại về công việc, nơi sinh sống để cùng nhau xây dựng gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần mở phiên hòa giải nhằm tạo cơ hội cho các bên đương được đoàn tụ với nhau nhưng bà T đều có đơn xin vắng mặt vì cho rằng bà

đang chăm sóc con nhỏ và hiện đang ở xa nên không thể tham gia các phiên hòa giải, chứng tỏ bà T cũng không tha thiết muốn hàn gắn lại mối quan hệ hôn nhân cùng ông C. Ông C và bà T không có biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn vơ chồng, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được.

Qua xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn giữa ông C và bà T chính quyền địa phương không nắm được, nhưng hiện nay bà T không sống tại nhà ông C.

Do vậy HĐXX thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Phan Phú C đối với bà Nguyễn Ngọc Thanh T là có cơ sở phù hợp với các quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Quan hệ con chung: Ông Phan Phú C và bà Nguyễn Ngọc Thanh T có một con chung tên là Phan Ngọc Khánh N – Sinh ngày: 12/03/2014.

Xét yêu cầu về con chung của ông Phan Phú C HĐXX thấy hiện nay con chung đang sống cùng với bà T, để không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con chung, nhằm để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, đồng thời bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên.

Tại phiên tòa ông C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng, thời gian thực hiện cấp dưỡng nuôi con từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Do vậy, HĐXX thấy việc giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên, và ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng la 2.000.000đ là có cơ sở phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình

***** *Về tài sản chung:* Ông Phan Phú C và bà Nguyễn Ngọc Thanh T không yêu cầu Toà án giải quyết.

***** *Về nợ chung:* Ông Phan Phú C và bà Nguyễn Ngọc Thanh T không nợ ai và không ai nợ ông bà nên không đề cập giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng ông Phan Phú C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đã được đảm bảo theo đúng các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào 1 Điều 56, Điều 81,82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam

Đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận đơn của ông Phan Phú C đối với bà Nguyễn Ngọc Thanh T

Xử cho ông Phan Phú C được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Thanh T

- *Về quan hệ con chung*: Giao con chung Phan Ngọc Khánh N – Sinh ngày: 12/03/2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ.

- *Quan hệ tài sản chung:* Ông Phan Phú C và bà Nguyễn Ngọc Thanh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đề cập đến.

- *Về nợ chung:* Ông Phan Phú C và bà Nguyễn Ngọc Thanh T không nợ ai và không ai nợ ông bà nên không đề cập giải quyết.

Như đã phân tích thì HĐXX chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 58, 59, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của ông Phan Phú C và bà Nguyễn Ngọc Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử Ông Phan Phú C được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Thanh T.

***2. Quan hệ con chung*:** Xử Giao con chung Phan Ngọc Khánh N – Sinh ngày: 12/03/2014 cho bà Nguyễn Ngọc Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Ông Phan Phú C cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng trên tháng). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Sau này vì quyền lợi của con chung các bên vẫn có quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì phải trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi thi hành án tại thời điểm thanh toán.

- *Quan hệ tài sản chung:* Ông Phan Phú C và bà Nguyễn Ngọc Thanh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không đề cập đến.

- *Về nợ chung:* Ông Phan Phú C và bà Nguyễn Ngọc Thanh T không nợ ai và không ai nợ ông bà nên không đề cập giải quyết

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Phan Phú C phải chịu là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 3632 ngày 10/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

Án phí cấp dưỡng ông Phan Phú C phải chịu là 300.000đ.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Thu Ba

Nơi nhận
- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu,tp Đà Nẵng
- Ủy ban nhân dân phường Đ Quận 1, TP Hồ Chí Minh
- Lưu hồ sơ vụ án